*Ngày soạn: 18/01/2025*

*Ngày dạy: từ 20/01/2025 đến 03/02/2025*

**TIẾT 30+ 31+ 32-BÀI 15: DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

-Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của Duyên Hải Nam Trung Bộ .

- Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.

- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.

- Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**2. Về năng lực:**

***\* Năng lực chung:***

- Tự chủ và tự học: Khai thác thông tin từ Internet để mở rộng kiến thức. Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

- Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***\* Năng lực Địa lí***

- Năng lực nhận thức khoa học Địa lí:

+ Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ trên bản đồ.

+ Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các đặc điểm tự nhiên và sự phát triển kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí( Mô tả đặc điểm chủ yếu của tự nhiên Duyên hải Nam Trung Bộ, phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất ở Duyên hải Nam Trung Bộ)

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ địa lí (bản đồ, hình ảnh, video…)

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế về Duyên hải Nam Trung Bộ.

**3. Về phẩm chất:**

- Giáo dục tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước.

- Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Yêu nước: Tôn trọng các giá trị nhân văn ở các vùng khó khăn.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu

- Video

- PHT

- Lược đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV cho HS quan sát một số bức tranh

\* GV lần lượt cho HS quan sát tranh, yêu cầu HS cho biết những bức tranh trên nói về địa phương nào, địa phương đó thuộc vùng kinh tế nào của nước ta

- HS lần lượt đứng lên trả lời câu hỏi

- GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS nghe bài hát và thảo luận theo hình thức cặp đôi

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét chung hoạt động của HS, ý thức tham gia hoạt động, khen thưởng những HS có kết quả chính xác và nhanh nhất.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

***Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.***

***a. Mục tiêu***

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

- GV cho hs xem 1 số hình ảnh, kết hợp kênh chữ trong SGK, GV phát phiếu học tập cho cả lớp theo hình thức cặp đôi

- Thảo luận nhóm (5 phút)

? Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm những tỉnh, thành phố nào?

? Duyên hải Nam Trung Bộ Tiếp giáp với những bộ phận nào?

? Xác định vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

? Hình dạng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm gì?

Yêu cầu các nhóm hoàn thành nội dung phiếu học tập

trữ sinh quyển nuớc ta

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thực hiện làm việc theo cặp đôi, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện 2 nhóm bất kì trình bày sản phẩm

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV yêu cầu hs lên bảng xác định trên bản đồ vị trí của vùng duyên hải Nam Trung Bộ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

|  |
| --- |
| - Diện tích : gần 45 nghìn km2, chiếm 13,5% diện tích cả nước.  - Bao gồm gồm 8 tỉnh và thành phố là Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận.  - Lãnh thổ Duyên hải Nam Trung Bộ hẹp ngang theo chiều đông – tây, kéo dài theo chiều bắc – nam, giáp với Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và nước láng giềng Lào. Phía đông có vùng biển rộng lớn, với nhiều đảo và quần đảo  Ý Nghĩa: Duyên hải Nam Trung Bộ là cầu nối giữa các vùng phía bắc với các vùng phía nam, cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và Lào |

PHIẾU HỌC TẬP

|  |
| --- |
| ? Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm những tỉnh, thành phố nào?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  ? Duyên hải Nam Trung Bộ Tiếp giáp với những bộ phận nào?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  ? Xác định vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  ? Hình dạng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm gì?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.***

***a. Mục tiêu***

- Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, thế mạnh và hạn chế chính của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

- GV cho HS quan sát lược đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ kết hợp xem 1 số hình ảnh, kết hợp kênh chữ trong SGK

- GV chia lớp làm 8 nhóm:

- Thảo luận nhóm (8 phút) chia làm 2 giai đoạn

\* Giai đoạn 1: (6 Phút)

- Nhóm 1,3,5,7 hoàn thành 3 nội dung về địa hình, khí hậu, Nguồn nước

- nhóm 2,4,6,8 hoàn thành 3 nội dung về: sinh vật, khoáng sản, biển

\* Giai đoạn 2(2 Phút)

Sau khi hoàn thành phiếu học tập các nhóm sẽ đổi phiếu học tập cho nhau 1 - 2, 3 - 4, 5 - 6, 7 - 8

Sau khi đổi phiếu các nhóm sẽ chấm sản phẩm của nhóm bạn

Yêu cầu các nhóm hoàn thành nội dung phiếu học tập

GV: Yêu cầu các nhóm trưởng chấm bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm của nhóm và phiếu đánh giá quá trình học tập của các thành viên trong nhóm

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thực hiện làm việc theo nhóm, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập

- Mỗi ý đúng trong phiếu học tập được 2 điểm

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV gọi đại diện 2 nhóm bất kì trình bày sản phẩm và điểm chấm của nhóm bạn

- Các nhóm đối chất với nhau về kết quả điểm.

- GV sẽ làm trọng tài phân chia các nhóm để tìm ra kết quả của các nhóm

- Giáo viên chiếu bảng chuẩn kiến thức

- GV: gọi từ 2 đến 3 nhóm yêu cầu nhóm trưởng đánh giá quá trình học tập của các thành viên trong nhóm

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐKTN VÀ TNTN** | **THẾ MẠNH** | **HẠN CHẾ** |
| Địa hình, đất | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………. |  |
| Khí hậu | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..**.** |
| Nguồn nước | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..**.** |
| Sinh vật | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………. |
| Khoáng sản | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………. |
| Biển, đảo | ……………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………. |

**ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐKTN VÀ TNTN** | **THẾ MẠNH** | **HẠN CHẾ** |
| Địa hình, đất | - Có sự phân hóa từ Tây sang đông:  + Phía tây địa hình chủ yếu là đồi núi với đất feralit thích hợp cho trồng rừng và phát triển kinh tế dưới tán rừng.  + Phía đông là dải đồng bằng hẹp, bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển, có nhiều cồn cát,... với đất phù sa và đất cát pha, thích hợp để trồng cây lương thực cây công nghiệp hàng năm | – Địa hình chia cắt, gây trở ngại cho giao thông và khó khăn để phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn.  – Thường xuyên chịu tác động của bão, hạn hán và sa mạc hoá, biến đổi khí hậu, gây thiệt hại tới hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. |
| Khí hậu | - Có tính chất cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 25°C, số giờ nắng trên 2 500 giờ, đem đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo. Lượng mưa phân bố không đồng đều, mưa nhiều vào mùa thu và mùa đông. |
| Nguồn nước | - Có nhiều sông, chủ yếu ngắn và dốc-> Có giá trị về thuỷ điện  - Có nhiều hồ lớn: hồ Phú Ninh (Quảng Nam), hồ Sông Hinh (Phú Yên).….-> cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. |
| Sinh vật | - Chủ yếu là rừng nhiệt đới  - Sinh vật phong phú, nhiều loài có giá trị kinh tế  -> phát triển lâm nghiệp, du lịch sinh thái... |
| Khoáng sản | - Có cát thuỷ tinh, ti-tan (Bình Thuận), vàng (Quảng Nam), dầu mỏ và khí tự nhiên (đảo Phú Quý, Bình Thuận).. là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng. |
| Biển, đảo | - Có vùng biển rộng, trong vùng biển có nhiều bãi tôm, bãi cả với trữ lượng lớn; đường bờ biển dải, khúc khuỷu, có nhiều đảo, bán đảo (Sơn Trà, Hòn Gốm,...), vũng vịnh kín (Dung Quất, Vân Phong,...), bãi tắm đẹp (Mỹ Khê, Nha Trang,..) thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển. |

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM LÀM VIỆC THEO NHÓM CỦA HỌC SINH NHÓM LỚN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 3 |
| 1. Nội dung | Đúng, đầy đủ nội dung | Đúng nhưng còn thiếu 1-2 nội dung theo yêu cầu | Còn một số nội dung chưa chính xác, thiếu ý |
|  | 6,0 điểm | 3,0 – 5,0 điểm | 0,0 – 2,0 điêm |
| Điểm |  |  |  |
| 2. Hình thức | Sạch, đẹp, đúng chính tả | Sạch, đẹp nhưng còn có lỗi chính tả | Chưa rõ ràng, có lỗi chính tả |
|  | 3,0 điểm | 2,0 – 1,0 điểm | 0,0 – 0,5 điểm |
| Điểm |  |  |  |
| 3. Ý thức kỷ luật | Ý thức kỷ luật tốt | Còn 1-2 thành viên chủa tốt | Nhóm chưa biết giữ kỷ luật |
|  | 1,0 điểm | 0,5 điểm | 0 điểm |
| Điểm |  |  |  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP   
CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM LỚN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm:** | | | | | | | | | |
| **Họ Tên**  **Thành viên trong nhóm** | **Ý thức học tập** | | | **Ý thức kỷ luật** | | | **Ý thức hợp tác** | | |
| Tích cực | Tương đối tích cực | Chưa tích cực | Nghiêm túc | Tương đối nghiêm túc | Chưa nghiêm túc | Nhiệt tình | Tương đối nhiệt tình | Chưa nhiệt tình |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***2.3.* *Nội dung 3: Tìm hiểu sự phân bố dân cư, dân tộc***

*a) Mục tiêu*

- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc của Duyên hải Nam Trung Bộ.

*b) Tổ chức thực hiện*

- Bước 1: GV cho HS tìm hiểu thông tin mục 3, bản đồ dân số Việt Nam trang 120 SGK, bản đồ phân bố dân tộc, trình bày phân bố dân cư, dân tộc của Duyên hải Nam Trung Bộ theo gợi ý:

*+ Sự chênh lệch dân cư giữa khu vực phía đông và phía tây, giữa thành thị và nông thôn như thế nào? Tại sao có sự chênh lệch đó?*

*+ Các dân tộc nào sinh sống chủ yếu ở đây?*

*+ Đặc điểm phân bố dân tộc như thế nào?*

- Bước 2: HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: GV gọi một số HS trình bày, các HS khác nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| **3. Phân bố dân cư, dân tộc**  - Số dân : hơn 9,4 triệu người, chiếm 9,6% số dân cả nước;  - Mật độ: 211 người/km**2**  - Thành phần dân tộc : là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như Kinh, Chăm, Cơ-tu, Hrê, Cơ-ho,... Các dân tộc phân bố đan xen.  + Người Kinh phân bố rộng khắp  + Các dân tộc khác chủ yếu ở vùng đồi núi phía tây.  + Người Chăm sinh sống chủ yếu ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.  - Phân bố dân cư: có sự chênh lệch giữa khu vực đổi núi phía tây và khu vực đồng bằng ven biển.  + Khu vực đồng bằng ven biển có điều kiện tự nhiên, kinh tế thuận lợi nên dân cư tập trung đông đúc, hình thành một dải đô thị ven biển như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang...  + Khu vực đồi núi phía tây có địa hình đồi núi chia cắt, điều kiện phát triển kinh tế khó khăn hơn nên dân cư thưa thớt.  - Tỉ lệ dân thành thị chiếm hơn 40% tổng số dân (năm 2021). |

***2.4. Nội dung 4: Tìm hiểu những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ***

*a) Mục tiêu*

- Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

*b) Tổ chức thực hiện*

- Bước 1: GV diễn giảng kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thay đổi trong sự phát triển và phân bố.

Sau đó, yêu cầu HS cho biết sự chuyển biến trong phát triển kinh tế và phân bố kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Gợi ý cho HS phân tích bảng số liệu để thấy được sự chuyển biến về GRDP; dựa vào bản đồ kinh tế để thấy được sự phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: GV gọi một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| - Chuyển biến trong phát triển kinh tế:  + GRDP ngày càng tăng.  + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.  + Các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ được chú trọng phát triển.  Chuyến biến trong phân bố kinh tế:  + Khu vực đồng bằng ven biển đẩy mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ. Hình thành dải khu công nghiệp ven biển kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.  + Khu vực phía tây phát triển nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái và thuỷ điện. |

***Hoạt động 2.5: Tìm hiểu một số ngành kinh tế thế mạnh***

***Hoạt động 2.5.1: Tìm hiểu ngành thuỷ sản***

**a. *Mục tiêu***

Phân tích được sự phát triển của ngành thuỷ sản

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS dựa vào mục a và hình 15.2, hãy phân tích sự phát triển của ngành thuỷ sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Dựa vào bảng số liệu sản lượng thuỷ sản của Duyên hải Nam Trung Bộ, rút ra nhận xét về sự phát triển; dựa vào bản đồ, rút ra nhận xét về sự phân bố.

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV gọi một vài HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4 Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| **- Hiện trạng phát triển**  + Sản lượng thuỷ sản đứng thứ hai cả nước sau Đồng bằng sông Cửu Long.  + Sản lượng thuỷ sản khai thác tăng nhanh, chiếm 90% tổng sản lượng thuỷ sản.  + Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, đầu tư tàu đánh bắt công suất lớn, trang thiết bị hiện đại.  + Hoạt động nuôi trồng thuỷ sản được đẩy mạnh theo hướng áp dụng công nghệ cao, nuôi trồng bền vững.  **- Phân bố**: Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi và Khánh Hoà là những tỉnh có hoạt động khai thác thuỷ sản phát triển nhất. Khánh Hoà và Phú Yên là những tỉnh có hoạt động nuôi trồng thuỷ sản phát triển nhất. |

***Hoạt động 2.5.2: Tìm hiểu ngành công nghiệp***

**a. *Mục tiêu***

Phân tích được sự phát triển của ngành công nghiệp

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS dựa vào mục b và hình 15.2, hãy phân tích sự phát triển của ngành công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

GV gợi ý HS, dựa vào bảng số liệu sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của Duyên hải Nam Trung Bộ, rút ra nhận xét về sự phát triển; dựa vào bản đồ, rút ra nhận xét về sự phân bố.

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ học tập**

Các cặp trao đổi thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV gọi một vài cặp trả lời.

**Bước 4 Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| - Hiện trạng phát triển:  + Tổng sản phẩm của ngành công nghiệp tăng liên tục.  + Cơ cấu công nghiệp khá đa dạng, nổi bật là ngành công nghiệp điện (thuỷ điện, nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời); sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác,...  + Các ngành công nghiệp đang tích cực áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất.  - Phân bố: hình thành các trung tâm công nghiệp ven biển: Đà Nẵng, Tam Kỳ, Dung Quất, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết. |

***Hoạt động 2.5.2: Tìm hiểu ngành Dịch Vụ***

**a. *Mục tiêu***

Phân tích được sự phát triển của ngành dịch vụ

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

* GV nêu sự phát triển của ngành dịch vụ trong cơ cấu GRDP của Duyên hải Nam Trung Bộ; nhấn mạnh hai ngành dịch vụ thế mạnh là giao thông vận tải và du lịch.

+ GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục c và hình 15.2 trong bài, cho biết sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Về giao thông vận tải, GV gợi ý HS xác định các tuyến đường giao thông, cảng biển; nhận xét bảng số liệu khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Về du lịch, xác định một số điểm du lịch và trung tâm du lịch.

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV gọi một số HS trả lời, các HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4 Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Sau khi HS trả lời, GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| **- Sự phát triển:**  + Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP.  + Cơ cấu ngành dịch vụ khá đa dạng. Giao thông vận tải và du lịch là ngành thế mạnh.  - Mạng lưới giao thông vận tải được đầu tư nâng cấp, có nhiều tuyến đường bộ huyết mạch; đường sắt Thống Nhất; cảng biển là thế mạnh nổi bật, với nhiều cảng quan trọng; có các cảng hàng không trong nước và quốc tế,... Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển tăng.  - Du lịch có nhiều thế mạnh để phát triển. Các loại hình du lịch đa dạng. Các sản phẩm du lịch có chất lượng ngày càng cao. Thu hút ngày càng nhiều du khách.  - Phân bố: Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn là các trung tâm dịch vụ lớn nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ. |

***Hoạt động 2.6.*** ***Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung***

***a. Mục tiêu*:** Trình bày được Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

***b. Tổ chức thực hiện***

**Bước 1. Chuyển** **giao nhiệm vụ học tập:**

* GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 6, hãy trình bày khái quát về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

GV gợi ý HS quan sát hình 14.3 trang 174 và hình 15.2, thông tin trong bài, trả lời các câu hỏi: *Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm các tỉnh, thành phố nào? Vùng có thế mạnh gì? Tình hình phát triển, định hướng phát triển vùng?...*

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4 Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV chuẩn hoá kiến thức.

|  |
| --- |
| - Bao gồm 5 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.  - Thế mạnh: phát triển các ngành kinh tế biển: kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo,...  - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng khá cao.  - Định hướng phát triển: tập trung vào khu vực ven biển Thừa thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi trở thành trung tâm dịch vụ, công nghiệp khoa học công nghiệp chất lượng cao; tiếp tục hình thành, phát triển các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế,... |

Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

1. *Mục tiêu*

Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV cho HS làm việc trên lớp. GV hướng dẫn HS chọn dạng biểu đồ phù hợp (biểu đồ tròn).
* Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
* Bước 3: GV mời một vài HS thực hiện nhiệm vụ. Các HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
* Bước 4: GV đánh giá (biểu đồ đúng, đẹp, có tên, chú giải, có số liệu thể hiện trên biểu đồ).

Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

1. *Mục tiêu*

Vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm về một số di sản văn hoá tiêu biểu của Duyên hải Nam Trung Bộ.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV hướng dẫn HS nội dung thông tin cần thu thập như: tên di sản văn hoá, loại di sản văn hoá (vật thể, phi vật thể), cấp (quốc tế, quốc gia), địa điểm di sản, năm công nhận, một số hình ảnh về di sản, ý nghĩa của di sản,...
* Bước 2: HS thực hiệm nhiệm vụ ở nhà.
* Bước 3: HS chia sẻ kết quả ở bài học sau.
* Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**\*Hướng dẫn tự học**

* Học các nội dung của bài
* Trả lời câu hỏi ( SGK) và các bài tập trong SBT.
* Đọc, tìm hiểu bài tiếp theo

*Ngày soạn: 02/02/2025*

*Ngày dạy: 04/02/2025*

**TIẾT 33- BÀI 16. THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA HẠN HÁN VÀ SA MẠC HOÁ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI**

**Ở VÙNG KHÔ HẠN NINH THUẬN – BÌNH THUẬN**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

**2. Về năng lực:**

***\* Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: nỗ lực tìm kiếm thông tin về vấn đề hạn hán và sa mạc hoá ở Ninh Thuận, Bình Thuận.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn và trình bày sơ đồ tư duy một cách sáng tạo.

***\* Năng lực chuyên biệt:***

+ Tìm hiểu địa lí: Tìm hiểu ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận thông qua tư liệu, tranh ảnh,... khai thác từ gợi ý trong bài, internet, thực tế,...

+ Giao tiếp và và hợp tác: khi cùng tìm hiểu, trình bày ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá.

**3. Về phẩm chất:**

Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:**

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử có kết nối internet (nếu có),...

- Sơ đồ ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội.

- Tranh ảnh, video,... về hạn hán, sa mạc hoá và tác động đến phát triển kinh tế – xã hội.

**2. Học liệu:** SGK Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống), sách giáo viên, vở bài tập thực hành

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

*a.Mục tiêu*

Tạo hứng thú, tạo tình huống có liên quan đến nội dung bài thực hành cho HS trước khi làm bài.

*b.Nội dung:*

-HS quan sát các bức tranh và nêu được hiện tượng hạn hán và sa mạc hoá.

Hai tỉnh Ninh Thuận và Bình thuận ở nước ta bị ảnh hưởng lớn bởi hạn hán và sa mạc hoá.

*c.Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

*d.Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: Giáo viên cho HS xem một số hình ảnh hoặc đoạn video về hạn hán và sa mạc hoá nói chung.

? Em hãy quan sát các bức ảnh sau và cho biết nội dung bức ảnh phản ánh điều gì?

? Vậy nơi nào trên đất nước ta chịu ảnh hưởng nhiều của hạn hán và sa mạc hoá?

? Theo em hạn hán và sa mạc hóa ảnh hưởng như thế nào tới kinh tế xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trả lời.

* Bước 4: GV ghi nhận phần trả lời của HS và giới thiệu bài thực hành.
* Đó là hiện tượng hạn hán và sa mạc hoá.
* Hai tỉnh Ninh Thuận và Bình thuận ở nước ta bị ảnh hưởng lớn bởi hạn hán và sa mạc hoá.

***Vậy nạn hạn hán và sa mạc hoá ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận?Chúng ta có những giải pháp gì để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá. Bài học hôm nay thầy(cô) trò ta sẽ cùng thực hành phân tích tìm hiểu nhé.***

**2. Hoạt động 2: Hoạt động thực hành**

*a.Mục tiêu:*Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

*b.Nội dung:*

+ Phân tích ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

+Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá.

*c.Sản phẩm:* Câu trả lời, bài làm nhóm của HS.

*d.Tổ chức thực hiện*

* + - Bước 1: GV chiếu hình ảnh/ thông tin về hạn hán và sa mạc hoá, giải thích thuật ngữ hạn hán và sa mạc hoá:

+ Hạn là một hiện tượng tự nhiên được coi là thiên tai, tạo thành bởi sự thiếu hụt nghiêm trọng lượng mưa trong thời gian kéo dài, làm giảm hàm lượng ẩm trong không khí và hàm lượng nước trong đất, làm suy kiệt dòng chảy sông suối, hạ thấp mực nước ao hồ, mực nước trong các tầng chứa nước dưới đất gây ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng của cây trồng, làm môi trường suy thoái gây đói nghèo dịch bệnh.

+ Sa mạc hoá có nghĩa là sự suy thoái của đất đai tại các vùng khô hạn, bán khô hạn, vùng ẩm nửa khô hạn, do các nguyên nhân khác nhau như thay đổi khí hậu, kể cả hoạt động của con người gây ra (theo *Điều 1 Công ước Chống sa mạc hoá của Liên hợp quốc năm 1994*).

* Cho Hs xem vi đeo về hạn hán ở Ninh Thuận

GV: Khẳng định độ chính xác câu trả lời trong HĐ khởi động của HS để đánh giá học sinh

-GV yêu cầu hs quan sát sơ đồ trong sgk

**ẢNH HƯỞNG CỦA HẠN HÁN VÀ SA MẠC HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

SA MẠC HÓA

HẠN HÁN

XÃ HỘI

XÃ HỘI

KINH TẾ

KINH TẾ

**Xã hội**

-Thiếu nước cho sinh hoạt.

-Đói nghèo, thiếu lương thực.

-Suy giảm sức khỏe do dich bệnh.

**Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản**

-Đất đai bị thoái hóa làm giảm diện tích canh tác

-Hiện tượng cát bay tàn phá cây trồng, vật nuôi

-Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản giảm

**Công nghiệp và xây dựng**

-Thiếu nước sản xuất

-Thiếu hụt nguyên liệu sản xuất từ ngành nông nghiệp, thủy sản

**Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản**

-Giảm năng suất cây trồng, vật nuôi.

-Tăng chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu.

-Tăng nguy cơ cháy rừng.

**Công nghiệp và xây dựng**

-Giảm năng suất thuỷ điện, thiếu hụt năng lượng.

-Tăng chi phí làm mát nhà xưởng.

-Thiếu nước sản xuất.

**Xã hội**

-Suy thoái nguồn nước mặt và nước ngầm.

-Ảnh hưởng sinh kế của người dân, dẫn đến di dân tự phát

-Thiếu lương thực

**Dịch vụ**

-Thiệt hại các công trình, cơ sở hạ tầng

-Sạt lở các tuyến đường giao thông

**Dịch vụ:**

-Ảnh hưởng hoạt động các ngành dịch vụ như du lịch, giao thông đường sông

* + - Bước 2: GV yêu cầu HS dựa vào vi deo về nạn hạn hán ở Ninh Thuận và sơ đồ gợi ý trong bài và thông tin do GV cung cấp, hãy:

*+ Phân tích ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.*

*+ Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá.*

* + - Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp hoặc nhóm.
    - Bước 4: GV tổ chức để các cặp hoặc nhóm báo cáo, trao đổi, nhận xét; sau đó GV chuẩn hoá lại một số ý chính.

|  |
| --- |
| **1.Ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá:**  **a. Hạn hán**  **\*Kinh tế**  **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản**  - Giảm năng suất cây trồng, vật nuôi.  - Tăng chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu.  - Tăng nguy cơ cháy rừng.  **Công nghiệp và xây dựng**  - Giảm năng suất thuỷ điện, thiếu hụt năng lượng.  - Tăng chi phí làm mát nhà xưởng.  - Thiếu nước sản xuất.  **Dịch vụ:**  -Ảnh hưởng hoạt động các ngành dịch vụ như du lịch, giao thông đường sông  **\*Xã hội**  - Thiếu nước cho sinh hoạt.  - Đói nghèo, thiếu lương thực.  - Suy giảm sức khỏe do dich bệnh.  **b.Sa mạc hóa**  **\*Kinh tế**  **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản**  - Đất đai bị thoái hóa làm giảm diện tích canh tác  - Hiện tượng cát bay tàn phá cây trồng, vật nuôi  - Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản giảm  **Công nghiệp và xây dựng**  - Thiếu nước sản xuất  - Thiếu hụt nguyên liệu sản xuất từ ngành nông nghiệp, thủy sản  **Dịch vụ**  - Thiệt hại các công trình, cơ sở hạ tầng  - Sạt lở các tuyến đường giao thông  **\*Xã hội**  - Suy thoái nguồn nước mặt và nước ngầm.  - Ảnh hưởng sinh kế của người dân, dẫn đến di dân tự phát  -Thiếu lương thực |

|  |
| --- |
| **2.Một số biện pháp phòng, chống hạn hán và sa mạc hóa**:  + Sử dụng hợp lí tài nguyên nước trong sản xuất và sinh hoạt.  + Quy hoạch tưới tiêu hợp lí, xây dựng hồ chứa nước, các công trình thuỷ lợi.  + Xây dựng đồng ruộng có khả năng tăng cường giữ nước trong đất.  + Nghiên cứu đưa vào nuôi trồng những giống cây con có nhiều khả năng chịu hạn.  + Trồng rừng và bảo vệ rừng. |

**3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

*a.Mục tiêu*

Củng cố kiến thức.

*b.Nội dung:* GV yêu cầu HS tham gia trò chơi “ ***Ai là Vua tìm kiếm”***

- Dựa vào ô chữ , tìm các từ/ cụm từ thể hiện nội dung bài học (hàng ngang, hàng dọc) bạn nào tìm được nhanh nhất sẽ trở thành “VUA TÌM KIẾM”

*c.Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d.Tổ chức thực hiện*

Bước 1: GV cho HS chơi trò chơi giải ô chữ

- GV: Hướng dẫn luật chơi: - Dựa vào ô chữ (hàng ngang, hàng dọc), tìm các từ/ cụm từ thể hiện nội dung bài học bằng cách trả lời các câu hỏi sau, HS nào tìm được nhanh nhất sẽ trở thành “VUA TÌM KIẾM”.

Câu 1:Tên một loại đất có độ phì nhiêu cao và rất giàu chất dinh dưỡng ở nước ta ?

Câu 2: Vào mùa khô nguồn nước giảm mạnh khiến cây cối thiếu nước thậm chí nhiều nơi còn đất nứt nẻ gọi là hiện tượng gì?

Câu 3: Việc lạm dụng quá nhiều các loại thuốc trừ sâu và phân bón hóa học làm cho đất bị?

Câu 4: Hạn hán ảnh hưởng đến đời sống và ………….của người dân?

Câu 5: Hiện tượng thường diễn ra phổ biến ở vùng biển miền Trung?

Câu 6: Rừng thường phân bố ở đầu nguồn các con sông hoặc các vùng ven biển gọi là rừng gi?

Câu 7: Việc người dân lạm dụng quá nhiều các loại phân nào dễ làm cho đất bị thoái hóa, bạc màu?

Câu hỏi số 8: Những việc làm như trồng cây, sử dụng hợp lí tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước, đây được coi là những ………….…..để bảo vệ và phòng chống hiện tượng hạn hán và sa mạc hóa.

Bước 2: HS suy nghĩ trả lời.

Bước 3: HS trả lời để tìm ra các từ hàng ngang và 1 từ khóa hàng dọc.

Bước 4: GV chuẩn kiến thức, nhận xét đánh giá việc tiếp thu bài của HS.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | P | H | Ù | S | A |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | H | A | N | H | Á | N |  |
|  | Ô | N | H | I | Ễ | M | Đ | Ấ | T |  |  |
| S | I | N | H | H | O | Ạ | T |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | C | Á | T | B | A | Y |
|  | R | Ừ | N | G | P | H | Ò | N | G | H | Ộ |
|  |  |  |  |  | H | O | Á | H | Ọ | C |  |
| G | I | Ả | I | P | H | Á | P |  |  |  |  |

**4, Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

*a.Mục tiêu:* Liên hệ kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

*b.Nội dung:*

HS tìm hiểu những cây trồng, vật nuôi có thể thích ứng với hạn hán ở Ninh Thuận – Bình Thuận.

*c.Sản phẩm:* Bài làm của HS.

*d.Tổ chức thực hiện*

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu những cây trồng, vật nuôi có thể thích ứng với hạn hán ở Ninh Thuận – Bình Thuận.

**\*Hướng dẫn tự học**

* Học các nội dung của bài
* Trả lời câu hỏi ( SGK) và các bài tập trong SBT.
* Đọc, tìm hiểu bài tiếp theo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt của BGH** | **Duyệt của TTCM** | **Giáo viên soạn** |
|  |  |  |
|  | **Đào Thị Phúc** | **Dương Thị Loan** |